

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CAM LÂM**

Số: 38 /QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Cam Lâm, ngày 13 tháng 01 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai
số liệu dự toán ngân sách năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LÂM

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 18/12/2019 của Hội đồng nhân dân huyện Cam Lâm khóa III kỳ họp thứ 9 về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2020 của huyện Cam Lâm;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 theo các phụ lục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

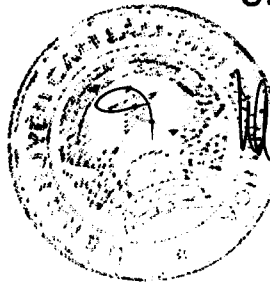
Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng Phòng Tài chính – Kế hoạch và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này. /

Nơi nhận: /

- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Văn phòng Huyện ủy;
- Văn phòng HĐND&UBND huyện;
- Mặt trận TQ và các đoàn thể thuộc huyện;
- Các phòng, ban thuộc UBND huyện;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện;
- Tòa án nhân dân huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, Phòng TCKH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Hào

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CAM LÂM

Biểu số 81/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2020

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Kèm theo Quyết định số 38 /QĐ-UBND ngày 13 /01/2020 của UBND huyện Cam Lâm)

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
A	B	1
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH HUYỆN	657.762
I	Thu ngân sách huyện hưởng theo phân cấp	338.733
	- Các khoản thu ngân sách huyện hưởng 100%	162.470
	- Các khoản thu phân chia ngân sách huyện hưởng theo tỷ lệ %	176.263
II	Bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	304.665
	- Bổ sung cân đối	299.665
	- Bổ sung có mục tiêu	5.000
III	Thu kết dư ngân sách năm trước	
IV	Thu chuyển nguồn từ ngân sách năm trước	
V	Nguồn cải cách tiền lương năm 2019	14.364
VI	Thu ngoài cân đối	
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	657.762
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	657.762
1	Chi đầu tư phát triển	139.400
2	Chi thường xuyên	432.784
3	Dự phòng ngân sách	13.023
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	72.555
II	Chi các chương trình mục tiêu	-
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	

**CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN
VÀ NGÂN SÁCH XÃ, THỊ TRẤN NĂM 2020**

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Kèm theo Quyết định số 38 /QĐ-UBND ngày 13 /01 /2020 của UBND huyện Cam Lâm)

DVT: triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán
A	B	1
A	<u>Ngân sách cấp huyện</u>	
I	Nguồn thu ngân sách cấp huyện	609.975
I.1	Các khoản thu trong cân đối	609.975
1	Thu ngân sách huyện hưởng theo phân cấp	290.946
	- Các khoản thu ngân sách huyện hưởng 100%	73.550
	- Các khoản thu phân chia ngân sách huyện hưởng theo tỉ lệ phần trăm (%)	217.396
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	304.665
	- Bổ sung cân đối	299.665
	- Bổ sung có mục tiêu	5.000
3	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước chuyển sang	-
4	Thu kết dư ngân sách năm trước	-
5	Nguồn cải cách tiền lương năm 2019	14.364
I.2	Thu ngoài cân đối	
II	Chi ngân sách cấp huyện	609.975
II.1	Chi trong cân đối	609.975
1	Chi thuộc nhiệm vụ NS cấp huyện theo phân cấp (Không kể bổ sung NS xã, thị trấn)	439.272
	Chi đầu tư	90.678
	Chi thường xuyên	348.594
2	Bổ sung cho ngân sách xã, thị trấn	86.781
	- Bổ sung cân đối	76.781
	- Bổ sung có mục tiêu	10.000
3	Dự phòng chi	11.367
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	72.555
5	Chi nộp ngân sách cấp trên	
II.2	Chi ngoài cân đối	
B	<u>Ngân sách xã, thị trấn thuộc huyện</u>	
I	Nguồn thu ngân sách xã, thị trấn	134.568
I.1	Các khoản thu trong cân đối	134.568

TT	Nội dung	Dự toán
A	B	1
1	Thu ngân sách hưởng theo phân cấp	47.787
	- Thu NS xã hưởng 100%	8.920
	- Thu NS xã hưởng theo tỉ lệ %	38.867
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện	86.781
	- Bổ sung cân đối	76.781
	- Bổ sung có mục tiêu	10.000
3	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước chuyển sang	
4	Thu kết dư ngân sách năm trước	
5	Nguồn cải cách tiền lương	
I.2	Thu ngoài cân đối	
II	Chi ngân sách xã, thị trấn	134.568
II.1	Chi trong cân đối	134.568
	Chi đầu tư	48.722
	Chi thường xuyên	84.190
	Dự phòng chi	1.656
	Chi nộp ngân sách cấp trên	
II.2	Chi ngoài cân đối	

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Kèm theo Quyết định số 38 /QĐ-UBND ngày 13 / 01 /2020 của UBND huyện Cam Lâm)

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2
	Tổng thu NSNN trên địa bàn	626.100	338.733
I	Các khoản thu cân đối NSNN	626.100	338.733
1	Thu từ khu vực CTN ngoài quốc doanh	257.000	190.553
1.1	Cục thuế thu	172.000	128.880
	- Thuế giá trị gia tăng	95.500	68.760
	- Thuế thu nhập DN	57.000	41.040
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	1.500	1.080
	- Thuế Tài nguyên	18.000	18.000
1.2	Chi cục thuế thu	85.000	61.673
	- Thuế giá trị gia tăng	71.300	51.336
	- Thuế thu nhập DN	11.500	8.280
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	510	367
	- Thuế Tài nguyên	1.690	1.690
2	Lệ phí trước bạ	50.500	50.500
	- Trước bạ là nhà đất	5.980	5.980
	- Trước bạ không phải là nhà đất	44.520	44.520
3	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-	-
4	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	240	240
5	Thuế thu nhập cá nhân	35.000	
6	Tiền sử dụng đất	134.000	85.400
	- UBND tỉnh ban hành quyết định giao đất	54.000	5.400

STT	Nội dung	Dự toán	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2
	- UBND huyện ban hành quyết định giao đất	80.000	80.000
7	Thu tiền bán và thuê nhà thuộc sở hữu NN	-	-
8	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	124.940	10
	- UBND tỉnh ban hành quyết định cho thuê đất	124.930	
	- UBND huyện ban hành quyết định cho thuê đất	10	10
9	Thu phí, lệ phí	11.830	9.230
	- Trung ương	700	
	- Cấp tỉnh	2.750	2.750
	- Cấp huyện	7.280	5.380
	- Cấp xã	1.100	1.100
10	Thu khác ngân sách	6.490	2.200
	- NS Trung ương	3.500	
	- NS cấp tỉnh	790	
	- NS cấp huyện	1.200	1.200
	- NS cấp xã	1.000	1.000
11	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản	600	600
12	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	5.500	
II	Thu ngoài cân đối	-	-
1	Thu phí, lệ phí	-	
2	Thu khác	-	

HUYỆN CAM LÂM**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN
VÀ CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2020***(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)**(Kèm theo Quyết định số 38 /QĐ-UBND ngày 13 / 01 /2020 của UBND huyện Cam Lâm)**DVT: triệu đồng*

STT	Nội dung	Dự toán chi NSDP năm 2020		
		Tổng cộng	Huyện	Xã
A	B	1	2	3
Tổng chi NSDP		657.762	523.194	134.568
A	Chi cân đối NSDP	657.762	523.194	134.568
I	Chi đầu tư phát triển	139.400	90.678	48.722
	<i>Trong đó: chia theo nguồn vốn</i>			
	- Chi từ nguồn XDCB tập trung phân cấp	54.000	33.568	20.432
	- Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	85.400	57.110	28.290
II	Chi thường xuyên	432.784	348.594	84.190
	<i>Trong đó</i>			
	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề	211.762	211.146	616
III	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	72.555	72.555	
IV	Dự phòng chi	13.023	11.367	1.656
B	Chi các CTMT, CTMTQG	-		
C	Chi chuyển nguồn sang năm sau	-		

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2020

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Kèm theo Quyết định số 38 /QĐ-UBND ngày 13 /01 /2020 của UBND huyện Cam Lâm,

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	609.975
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH XÃ	86.781
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC	523.194
	<i>Trong đó:</i>	
I	Chi đầu tư phát triển	90.678
1	Chi đầu tư cho các dự án	90.678
	<i>Trong đó:</i>	
1.1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	18.200
1.8	Chi các hoạt động kinh tế	50.678
1.9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	10.600
1.11	Chi an ninh, quốc phòng	1.200
1.12	Dự phòng	10.000
2	Chi đầu tư phát triển khác	
II	Chi thường xuyên	348.594
	<i>Trong đó:</i>	
1.1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	211.146
1.2	Chi khoa học và công nghệ	
1.3	Chi y tế, dân số và gia đình	4.298
1.4	Chi văn hóa thông tin	1.939
1.5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	1.124
1.6	Chi thể dục thể thao	247
1.7	Chi bảo vệ môi trường	2.800
1.8	Chi các hoạt động kinh tế	22.939

STT	Nội dung	Dự toán
1.9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	33.313
1.10	Chi đảm bảo xã hội	33.422
1.11	Chi an ninh, quốc phòng	3.377
1.12	Chi thường xuyên khác	33.989
III	Dự phòng ngân sách	11.367
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	72.555
C	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	-
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	
D	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2020

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Kèm theo Quyết định số 38/QĐ-UBND ngày 13/01/2020 của UBND huyện Cam Lâm)

ĐVT: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán 2020						
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Dự phòng	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi bổ sung NS xã	Chi chuyển nguồn sang năm sau
A	B	1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG SỐ	609.975	90.678	348.594	11.367	72.555	86.781	-
I	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC	439.272	90.678	348.594	-	-	-	-
1	Văn phòng HĐND&UBND	4.907		4.907				
2	Phòng Nông nghiệp và PTNT	3.086	2.000	1.086				
3	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	24.451	6.700	17.751				
4	Phòng Tư pháp	507		507				
5	Phòng Tài chính - Kế hoạch	1.293		1.293				
6	Phòng Giáo dục và Đào tạo (bao gồm SNGD)	217.073	5.630	211.443				
7	Phòng Y tế	555		555				
8	Phòng Lao động - TB&XH	34.136		34.136				
9	Phòng Văn hóa và Thông tin	640		640				
10	Phòng Tài nguyên và Môi trường	1.879		1.879				
11	Phòng Dân tộc	1.409	960	449				
12	Phòng Nội vụ	1.434		1.434				
13	Thanh tra huyện	909		909				
14	Huyện ủy Cam Lâm	9.508		9.508				
15	Ủy ban Mặt trận TQVN	1.260		1.260				
16	Hội Cựu chiến binh	470		470				
17	Hội Nông dân (gồm có chi hỗ trợ Quỹ hỗ trợ nông dân)	1.364		1.364				
18	Hội Liên hiệp Phụ nữ	843		843				
19	Huyện đoàn	944		944				
20	Hội Đông y	162		162				
21	Hội Chữ thập đỏ	292		292				
22	Hội Người mù	194		194				
23	Hội Khuyến học	177		177				

STT	Tên đơn vị	Dự toán 2020						
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Dự phòng	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi bổ sung NS xã	Chi chuyển nguồn sang năm sau
A	B	1	2	3	4	5	6	7
24	Hội nạn nhân chất độc da cam/Dioxin	90		90				
25	Trung tâm bồi dưỡng chính trị	945		945				
26	Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao	2.713		2.713				
28	Nhà thiếu nhi Cam Lâm	597		597				
30	Trạm khuyến C-N-L-N	1.104		1.104				
31	BCH Quân sự huyện	3.030	1.200	1.830				
32	Công an huyện	430		430				
33	Ban An toàn giao thông	582		582				
34	Trung tâm Phát triển quỹ đất	100		100				
35	Ban đại diện Hội Người cao tuổi	110		110				
36	Hội Từ chính trị, Ban liên lạc Sư đoàn 324 Cam Lâm, Hội Truyền thống KCCN	60		60				
37	Bảo hiểm xã hội Cam Lâm	4.298		4.298				
39	Vùng 4 Hải quân	600		600				
43	Chi thường xuyên khác	42.932		42.932				
44	Ban Quản lý dự án	59.620	59.620					
45	Chi đầu tư phát triển chưa phân bổ (dùng để đối ứng vốn cho một số chương trình trọng điểm của tỉnh)	14.568	14.568					
II	Chi dự phòng	11.367			11.367			
III	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	72.555				72.555		
IV	Chi bổ sung có ngân sách cấp dưới	86.781					86.781	
V	Chi chuyển nguồn sang năm sau	-						

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2020

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Kèm theo Quyết định số 38/QĐ-UBND ngày 13 / 01 /2020 của UBND huyện Cam Lâm)

DVT: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán 2020							
		Tổng số	Chi giáo dục và đào tạo	Chi quốc phòng	Chi an ninh	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Chi quản lý hành chính	Dự phòng chi đầu tư
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG SỐ	90.678	18.200	1.200	-	-	50.678	10.600	10.000
1	Phòng Nông nghiệp và PTNT	2.000					2.000		
2	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	6.700					6.700		
3	Phòng Tư pháp	-							
4	Phòng Giáo dục và Đào tạo	5.630	5.630						
5	Phòng Dân tộc	960					960		
6	Ban Quản lý dự án	59.620	12.570	-	-	-	36.450	10.600	
7	BCH Quân sự huyện	1.200		1.200					
8	Công an huyện	-							
9	Đối ứng vốn thực hiện chương trình NTM chưa phân bổ	3.568					3.568		
10	Đối ứng vốn thực hiện chương trình phát triển KTXH miền núi chưa phân bổ	1.000					1.000		
11	Dự phòng chi đầu tư	10.000							10.000

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYẾN CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2020

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)
(Kèm theo Quyết định số 38/QĐ-UBND ngày 13/01/2020 của UBND huyện Cam Lâm)

ĐVT: triệu đồng

Dự toán 2020																							
STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi GĐĐT&DN	Chi y tế	Chi Văn hóa thông tin	Chi phát thanh - truyền hình	Chi thể dục - thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Các hoạt động kinh tế						Chi hoạt động QLNN, Đảng, Đoàn thể					Chi bảo đảm xã hội	Chi quốc phòng	Chi an ninh	Chi khác
									Tổng	Giao thông	N.L,TL, TS	Khác	Tổng	QLNN	Đảng	Tổ chức CTXH	Tổ chức XHNN						
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20		
	TỔNG SỐ	348.594	211.146	4.298	1.939	1.124	247	2.800	22.939	582	1.434	20.923	33.313	18.444	9.508	4.481	880	33.422	2.947	430	33.989		
1	Văn phòng HĐND&UBND	4.907							-				4.907	4.907									
2	Phòng Nông nghiệp và PTNT	1.086							330		330		756	756									
3	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	17.751						2.800	13.921			13.921	1.030	1.030									
4	Phòng Tư pháp	507							-				507	507									
5	Phòng Tài chính - Kế hoạch	1.293							-				1.173	1.173							120		
6	Phòng Giáo dục và Đào tạo (bao gồm SNGD)	211.443	210.201						-				1.242	1.242									
7	Phòng Y tế	555							-				440	440					90		25		
8	Phòng Lao động - TB&XH	34.136							-				1.193	1.193				32.943					
9	Phòng Văn hóa và Thông tin	640							-				615	615							25		
10	Phòng Tài nguyên và Môi trường	1.879							870			870	1.009	1.009									
11	Phòng Dân tộc	449							-				428	428				21					
12	Phòng Nội vụ	1.434							-				1.414	1.414							20		
13	Thanh tra huyện	909							-				909	909									
14	Huyện ủy Cam Lâm	9.508							-				9.508		9.508								
15	Ủy ban Mặt trận TQVN	1.260							-				1.260			1.260							
16	Hội Cựu chiến binh	470							-				470			470							
17	Hội Nông dân (gồm có chi hỗ trợ Quỹ hỗ trợ nông dân)	1.364							-				964			964					400		
18	Hội Liên hiệp Phụ nữ	843							-				843			843							
19	Huyện đoàn	944							-				944			944							
20	Hội Đồng ý	162							-				137				137				25		

Dự toán 2020																						
STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi GDBT&DN	Chi y tế	Chi Văn hóa thông tin	Chi phát thanh - truyền hình	Chi thể dục - thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Các hoạt động kinh tế					Chi hoạt động QLNN, Đảng, Đoàn thể					Chi bảo đảm xã hội	Chi quốc phòng	Chi an ninh	Chi khác
									Tổng	Giao thông	N.L., TL, TS	Khác	Tổng	QLNN	Đảng	Tổ chức CTXH	Tổ chức XHNN					
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	
21	Hội Chữ thập đỏ	292							-				172				172				120	
22	Hội Người mù	194							-				194				194					
23	Hội Khuyến học	177							-				177				177					
24	Hội nạn nhân chất độc da cam/Dioxin	90							-				90				90					
25	Trung tâm bồi dưỡng chính trị	945	945						-				-									
26	Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao	2.713	1.342		1.124	247			-				-									
27	Nhà thiếu nhi Cam Lâm	597	597						-				-									
28	Trạm khuyến C-N-L-N	1.104							1.104		1.104		-									
29	BCH Quận sự huyện	1.830							-				-						1.830			
30	Công an huyện	430							-				-							430		
31	Ban An toàn giao thông	582							582	582			-									
32	Trung tâm Phát triển quỹ đất	100							100			100	-									
33	Ban đại diện Hội Người cao tuổi	110							-				110				110					
34	Hội Từ chính trị, Ban liên lạc Sư đoàn 324 Cam Lâm, Hội Truyền thống KCCN	60							-				-								60	
35	Bảo hiểm xã hội Cam Lâm	4.298		4.298					-				-									
36	Vùng 4 Hải quân	600							600			600	-									
37	Chi thường xuyên khác	42.932							5.432			5.432	2.821	2.821				458	1.027		33.194	
		-							-				-									

**DỰ TOÁN THU, SỐ BỔ SUNG VÀ DỰ TOÁN CHI CÂN ĐỐI
NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2020**

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Kèm theo Quyết định số 38 /QĐ-UBND ngày 13 / 04 /2020 của UBND huyện Cam Lâm)

DVT: triệu đồng

STT	Xã, thị trấn	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	Chia ra		Số bổ sung từ ngân sách cấp huyện			Số bổ sung thực hiện CCTL	Thu chuyển nguồn từ năm trước	Tổng chi cân đối NSDP
				Thu NSDP hưởng 100%	Thu NSDP hưởng theo tỷ lệ %	Tổng	Bổ sung cân đối	Bổ sung có mục tiêu			
A	B	1	2=3+4	3	4	5=6+7	6	7	8	9	10
1	Cam Tân	2.228	1.522	285	1.237	5.484	5.484		-	-	7.006
2	Cam Hòa	8.044	3.628	274	3.354	7.118	7.118		-	-	10.746
3	Cam Hải Đông	9.365	5.614	3.467	2.147	1.708	1.708		-	-	7.322
4	Cam Hải Tây	27.467	12.400	1.086	11.314	3.604	3.604		-	-	16.004
5	Cam Đức	33.523	12.653	1.057	11.596	10.317	5.317	5.000	-	-	22.970
6	Cam Hiệp Bắc	1.237	901	107	794	5.201	5.201		-	-	6.102
7	Cam Hiệp Nam	530	419	152	267	5.868	5.868		-	-	6.287
8	Cam An Bắc	273	233	136	97	6.352	6.352		-	-	6.585
9	Cam An Nam	474	370	172	198	5.645	5.645		-	-	6.015
10	Cam Thành Bắc	5.539	2.817	409	2.408	6.808	6.808		-	-	9.625
11	Cam Phước Tây	425	339	125	214	6.629	6.629		-	-	6.968
12	Sơn Tân	-	-	-	-	5.794	5.794		-	-	5.794
13	Suối Tân	11.038	4.883	1.058	3.825	10.235	5.235	5.000	-	-	15.118
14	Suối Cát	3.537	2.008	592	1.416	6.018	6.018		-	-	8.026
	Tổng cộng	103.680	47.787	8.920	38.867	86.781	76.781	10.000	-	-	134.568

DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020 (NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN)

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Kèm theo Quyết định số 38 /QĐ-UBND ngày 13 / 01 /2020 của UBND huyện Cam Lâm)

ĐVT: triệu đồng

Số TT	Tên dự án đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công- hoàn thành	TMDT được duyệt					Kế hoạch vốn đến 31/12/19	Kế hoạch vốn năm 2020										Chủ đầu tư	
				Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng số	Trong đó				Trong đó											
						NS cấp huyện quản lý	Ngân sách cấp xã quản lý	Ngân sách cấp tỉnh quản lý		Ngân sách TW hỗ trợ	Ngân sách cấp huyện quản lý				Ngân sách cấp xã quản lý				Ngân sách cấp tỉnh quản lý		Ngân sách Trung ương hỗ trợ
											Tổng	XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Tổng	XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Tổng	XDCB tập trung			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	
	TỔNG CỘNG				323.063	120.110	7.909	59.744	130.000	49.692	148.804	90.678	33.568	57.110	-	-	-	43.518	14.608		
I	Lĩnh vực quốc phòng				1.384	1.384	-	-	-	-	1.200	1.200	1.200	-	-	-	-	-	-	-	
1	Công trình chuyển tiếp các năm trước				-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
2	Công trình khởi công mới				1.384	1.384	-	-	-	-	1.200	1.200	1.200	-	-	-	-	-	-	-	
	Nhà bố trí sa bàn phục vụ công tác huấn luyện diễn tập	Cam Đức		2082 06/9/19	1.384	1.384					1.200	1.200	1.200							Ban CHQS huyện	
II	Lĩnh vực giáo dục và Đào tạo				51.268	31.157	-	20.111	-	3.300	36.303	18.200	7.870	10.330	-	-	-	18.103	-	-	
1	Công trình chuyển tiếp các năm trước				5.269	5.269	-	-	-	3.300	1.370	1.370	1.370	-	-	-	-	-	-	-	
	Trường tiểu học Cam Tân (04 phòng học + nhà đa năng)			2259 25/10/18	5.269	5.269				3.300	1.370	1.370	1.370							Ban QLDA	
2	Công trình khởi công mới				45.999	25.888	-	20.111	-	-	34.933	16.830	6.500	10.330	-	-	-	18.103	-	-	
2.1	Chương trình phát triển nguồn nhân lực				38.557	18.446	0	20.111	0	0	28.433	10.330	0	10.330	0	0	0	18.103	0	0	
1	Trường MG Anh Đào, thị trấn Cam Đức	Cam Đức	2020	2542 30/10/15	3.800	1.140		2.660		-	3.760	1.100		1.100				2.660		Phòng GD&ĐT	
2	Trường MG Phong Lan, xã Cam Phước Tây	CP Tây	2020	2540 30/10/15	2.797	839		1.958		-	2.750	800		800				1.950		Phòng GD&ĐT	

Số TT	Tên dự án đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công- hoàn thành	TMĐT được duyệt					Kế hoạch vốn đến 31/12/19	Kế hoạch vốn năm 2020											Chủ đầu tư
				Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng số	Trong đó				Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó						Ngân sách cấp tỉnh quản lý	Ngân sách Trung ương hỗ trợ			
						NS cấp huyện quản lý	Ngân sách cấp xã quản lý	Ngân sách cấp tỉnh quản lý			Ngân sách cấp huyện quản lý	Ngân sách cấp xã quản lý									
												Tổng	XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Tổng	XDCB tập trung			Tiền sử dụng đất		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	
3	Trường MG Thiên Nga, xã Cam An Bắc	CA Bắc	2020	2549 30/10/15	2.399	720		1.679		-	2.379	700			700			1.679		Phòng GD&ĐT	
4	Trường THCS Trần Đại Nghĩa, xã Cam Tân	Cam Tân	2020	2541 30/10/15	2.591	777		1.814		-	2.544	730			730			1.814		Phòng GD&ĐT	
5	Trường Mầm non Sen Hồng	Suối Tân	2020-2021	2377 28/10/19	26.970	14.970		12.000		-	17.000	7.000			7.000			10.000		Ban QLDA	
2.2	Công trình giáo dục khác				7.442	7.442	0	0	0	0	6.500	6.500	6.500	0	0	0	0	0	0		
1	Trường tiểu học Suối Tân (Nhà đa năng)	Suối Tân	2020	2065 21/9/18	2.252	2.252					2.000	2.000	2.000							Ban QLDA	
2	Trường mẫu giáo Thỏ Ngọc (02 phòng học)	CH Nam	2020	2522 20/10/19	2.545	2.545					2.200	2.200	2.200							Ban QLDA	
3	Trường Mẫu giáo Vành Khuyên	Suối Cát	2020	2451 29/10/19	2.645	2.645					2.300	2.300	2.300							P.GD&ĐT	
III	Các hoạt động kinh tế				247.697	64.854	7.909	39.633	130.000	38.392	90.701	50.678	20.498	30.180	0	0	0	25.415	14.608		
1	Chương trình phát triển đô thị				208.240	42.568	7.909	27.762	130.000	38.392	55.608	27.000	7.000	20.000	0	0	0	14.000	14.608		
1.1	Công trình chuyển tiếp các năm trước				50.000	3.000	0	7.000	40.000	38.392	8.608	0	0	0	0	0	0	3.000	5.608		
1	Thí điểm lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng công cộng tiết kiệm điện và đèn cảnh báo an toàn giao thông sử dụng năng lượng mặt trời cho đô thị Cam Đức	Cam Đức	2019-2020	2915 02/10/2018	50.000	3.000		7.000	40.000	38.392	8.608							3.000	5.608	Ban QLDA	
1.2	Công trình khởi công mới				158.240	39.568	7.909	20.762	90.000	0	47.000	27.000	7.000	20.000	0	0	0	11.000	9.000		
1	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng trên tuyến đường mở rộng quốc lộ 1, đoạn qua huyện Cam Lâm (phần 01 bên đường còn lại đối với các đoạn qua đô thị, qua khu dân cư đồng đức)	Cam Đức	2020-2021	2812 22/9/16	13.762			13.762		0	4.000							4.000		P.KTHT	

Số TT	Tên dự án đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công- hoàn thành	TMĐT được duyệt					Kế hoạch vốn đến 31/12/19	Kế hoạch vốn năm 2020										Chủ đầu tư
				Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng số	Trong đó				Trong đó										
						NS cấp huyện quản lý	Ngân sách cấp xã quản lý	Ngân sách cấp tỉnh quản lý		Ngân sách TW hỗ trợ	Ngân sách cấp huyện quản lý			Ngân sách cấp xã quản lý			Ngân sách cấp tỉnh quản lý	Ngân sách Trung ương hỗ trợ		
											Tổng	XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Tổng	XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
2	Xây dựng đường và lề ven đầm Thủy Triều (đoạn từ đường Lê Lợi đến đường Yersin)	Cam Đức	2020-2021		90.000				90.000	0	9.000								9.000	Ban QLDA
3	Đường Lê Lai (đoạn từ QL1A đến đầm Thủy Triều)	Cam Đức	2020-2021	2392 29/10/19	14.909		7.909	7.000			14.000	7.000	7.000					7.000		Ban QLDA
4	Đường Nguyễn Văn Linh	Cam Đức	2020-2021	2393 29/10/19	19.597	19.597				0	10.000	10.000		10.000						Ban QLDA
5	Đường Nguyễn Chí thanh	Cam Đức	2020-2021	2394 29/10/19	19.972	19.972				0	10.000	10.000		10.000						Ban QLDA
6	Đối ứng Chương trình phát triển đô thị										0	0			0					
2	Chương trình xây dựng nông thôn mới				10.500	0	0	7.000	0	0	10.568	3.568	0	3.568	0	0	0	7.000	0	
2.1	Công trình chuyển tiếp các năm trước										-									
2.2	Công trình khởi công mới				10.500	0	0	7.000	0	0	10.568	3.568	0	3.568	0	0	0	7.000	0	
1	Gia cố mái taluy dòng chảy qua khu dân cư thôn Triệu Hải, xã Cam An Bắc (đoạn từ cầu bà Mưng đến cầu Sắt)	CAB	2020	2471 30/10/19	6.000			4.000		0	4.000	0						4.000		P.KTHT
2	Đường số 10 thôn Vĩnh Đông	CAN	2020	2509 30/10/19	4.500			3.000		0	3.000	0						3.000		Ban QLDA
3	Đối ứng xây dựng NTM chưa phân bổ										3.568	3.568		3.568						
3	Chương trình phát triển KTXH miền núi				3.387	1.016	0	2.371	0	0	4.375	1.960	0	1.960	0	0	0	2.415	0	
3.1	Công trình chuyển tiếp các năm trước				0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3.2	Công trình khởi công mới				3.387	1.016	0	2.371	0	0	4.375	1.960	0	1.960	0	0	0	2.415	0	
1	Đường bao khu sản xuất liên thôn Suối Lau 1- Tân Xương 2	Suối Cát	2020	2375 25/10/19	1.205	362		844		0	1.195	320		320				875		P.Dân tộc

Số TT	Tên dự án đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công- hoàn thành	TMĐT được duyệt				Kế hoạch vốn đến 31/12/19	Kế hoạch vốn năm 2020										Chủ đầu tư	
				Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng số	Trong đó			Trong đó											
						NS cấp huyện quản lý	Ngân sách cấp xã quản lý		Ngân sách cấp tỉnh quản lý	Ngân sách TW hỗ trợ	Ngân sách cấp huyện quản lý			Ngân sách cấp xã quản lý						
											Tổng	XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Tổng	XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
2	Đường vào khu sản xuất đồng bào dân tộc thiểu số thôn Văn Sơn	Suối Cát	2020	2372 25/10/19	2.182	655		1.528		0	2.180	640		640				1.540		P. Dân tộc
3	Đổi ứng chương trình phát triển KTXH miền núi									0	1.000	1.000		1.000				0		
4	Chương trình 135				4.300	0	0	2.500	0	0	2.000	0	0	0	0	0	0	2.000		
4.1	Công trình chuyển tiếp các năm trước										-									
4.2	Công trình khởi công mới				4.300	0	0	2.500	0	0	2.000	0	0	0	0	0	0	2.000	0	
1	Cải tạo, nâng cấp nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Văn Sơn	CP Tây	2020	2854 28/10/16	1.000			1.000		0	500							500		P. Dân tộc
2	Đường liên thôn Suối Lau 2, 3, xã Suối Cát	Suối Cát	2020	2853 28/10/16	3.300			1.500		0	1.500							1.500		P. Dân tộc
5	Đầu tư khác				21.270	21.270	0	0	0	0	18.150	13.498	4.652	0	0	0	0	0	0	
5.1	Giao thông				15.908	15.908	0	0	0	0	13.600	8.948	4.652	0	0	0	0	0	0	
a	Công trình chuyển tiếp các năm trước										-									
b	Công trình khởi công mới				15.908	15.908	0	0	0	0	13.600	8.948	4.652	0	0	0	0	0	0	
1	Nâng cấp đường thôn Lập Định, xã Cam Hòa (đoạn từ ngã ba Tỉnh lộ 3 đến giáp đường vận chuyển nông sản liên vùng xã Cam Hòa - Cam Hiệp Bắc)	Cam Hòa	2020	2303 14/10/19	6.161	6.161				0	5.200	5.200	3.200	2.000						Ban QLDA
2	Đường từ nhà máy nước khoáng Onsen đến đường cao tốc	Suối Tân	2020	2468 30/10/19	3.000	3.000				0	2.700	2.700	1.700	1.000						P. K. TH
3	Đường từ đường sắt đến đường 134	Suối Tân	2020	2467 30/10/19	2.264	2.264				0	2.000	2.000	1.000	1.000						P. K. TH

Số TT	Tên dự án đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công- hoàn thành	TMĐT được duyệt					Kế hoạch vốn đến 31/12/19	Kế hoạch vốn năm 2020										Chủ đầu tư
				Số QĐ, ngày, tháng, năm	Trong đó					Trong đó										
					Tổng số	NS cấp huyện quản lý	Ngân sách cấp xã quản lý	Ngân sách cấp tỉnh quản lý		Ngân sách TW hỗ trợ	Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách cấp huyện quản lý			Ngân sách cấp xã quản lý			Ngân sách cấp tỉnh quản lý	Ngân sách Trung ương hỗ trợ	
												XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Tổng	XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Tổng			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
4	Đường từ nhà ông Nguyễn Đức Thành đến chân cầu vượt	Suối Tân	2020	2469 30/10/19	2.485	2.485				0	2.000	2.000	1.348	652						P.KTHT
5	Stra chữa nâng cấp mặt cầu Cam Hải	Cam Đức - CHD	2020	2302 14/10/19	1.997	1.997				0	1.700	1.700	1.700							Ban QLDA
5.2	Công trình nông nghiệp - nông thôn				5.362	5.362	0	0	0	0	4.550	4.550	4.550	0	0	0	0	0	0	
a	Công trình chuyển tiếp các năm trước										-									
b	Công trình khởi công mới				5.362	5.362	0	0	0	0	4.550	4.550	4.550	0	0	0	0	0	0	
1	Mương rút cầu Lò Than, xã Suối Tân	Suối Tân	2020	2457 29/10/19	2.296	2.296				0	2.000	2.000	2.000							Ban QLDA
2	Mương xi nghiệp cắt nối dài	Cam Thành Bắc	2020	2240 29/10/15	598	598				0	550	550	550							Ban QLDA
3	Tuyến mương tưới chính cho đồng Ba Chín, đồng Cam	Suối Cát	2020	2384 28/10/19	2.468	2.468				0	2.000	2.000	2.000							PNN &PTNT
IV	Hoạt động QLNN, Đảng, Đoàn thể				22.714	22.714	0	0	0	8.000	10.600	10.600	4.000	6.600	0	0	0	0	0	
1	Công trình chuyển tiếp các năm trước				12.714	12.714	0	0	0	8.000	4.000	4.000	4.000	0	0	0	0	0	0	
1	Hội trường và kho lưu trữ UBND huyện	Cam Đức	2019-2020	2301 29/10/18	12.714	12.714				8.000	4.000	4.000	4.000							Ban QLDA
2	Công trình khởi công mới				10.000	10.000	0	0	0	0	6.600	6.600	0	6.600	0	0	0	0	0	
1	Hệ thống camera an ninh trên địa bàn huyện	Cam Lâm	2020-2021	2351 22/10/19	10.000	10.000				0	6.600	6.600	0	6.600						Ban QLDA
V	Dự phòng chi đầu tư										10.000	10.000		10.000						